

Số: /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước quý III năm 2024 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 19/2/2024 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2024;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh quý III năm 2024 các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



GIÁM ĐỐC



La Phúc Thành

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ TÀI CHÍNH

**THUYẾT MINH CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định .../QĐ-STC ngày ... tháng ... năm ... của Sở Tài chính)

1. Về tình hình thực hiện thu NSNN:

Dự toán phân đầu thu NSNN trên địa bàn (gọi là chung dự toán phân đầu) là 11.790 tỷ đồng, thu tháng 9 ước đạt 967 tỷ đồng, bằng 7,1% dự toán phân đầu và bằng 8,2% dự toán giao; lũy kế thu 9 tháng ước đạt 8.720 tỷ đồng, bằng 64% dự toán phân đầu, bằng 74% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 15,5% so với cùng kỳ; riêng. Cụ thể như sau:

1.1. Thu nội địa: Dự toán phân đầu là 11.160 tỷ đồng, thu tháng 9 ước đạt 820 tỷ đồng; lũy kế 9 tháng ước đạt 7.829 tỷ đồng, bằng 60,7% dự toán phân đầu, bằng 70% dự toán giao và tăng 11% so với cùng kỳ.

Cụ thể:

- Thu nội địa không gồm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đạt 6.586 tỷ đồng, bằng 75% dự toán phân đầu, bằng 83% dự toán giao và tăng 8,6% so với cùng kỳ.

Hầu như các khoản thu vượt so với cùng kỳ như thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 3.175 tỷ đồng, vượt 2,7%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.298 tỷ đồng, vượt 15,8%; thu doanh nghiệp địa phương quản lý đạt 158 tỷ đồng, vượt 39%; thuế thu nhập cá nhân đạt 500 tỷ đồng, vượt 28,5%; thuế bảo vệ môi trường đạt 294 tỷ đồng, vượt 8,5%; thu phí, lệ phí đạt 301 tỷ đồng, vượt 7,5% chủ yếu nhờ khoản thu phí tham quan di tích thu đạt 158 tỷ đồng, vượt 9,7%; thu xổ số kiến thiết tăng 3,6%...

Riêng thu từ khu vực DNNN trung ương giảm 1,9% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: đến nay chỉ đạt 1.243 tỷ đồng, bằng 30% dự toán phân đầu, bằng 38% dự toán giao và tăng 26% so với cùng kỳ. Nguồn thu từ quy đầu giá của đất tỉnh trong tháng này vẫn không có chuyển biến. Nguồn thu ngân sách tỉnh hưởng đạt 387 tỷ đồng (đã gồm 30% số thu từ các huyện điều tiết lên), ngân sách huyện hưởng đạt 764 tỷ đồng.

1.2. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: Thu lũy kế đến nay đạt gần 877 tỷ đồng, vượt 27% dự toán phân đầu, vượt 41,5% dự toán giao, và tăng 81% so với cùng kỳ. Nguồn thu năm này tăng mạnh chủ yếu là do khoản thu thuế xuất khẩu dăm gỗ tăng và phát sinh khoản thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng linh kiện lắp ráp ô tô của Công ty cổ phần Kim Long Motor Huế.

2. Về tình hình thực hiện chi NSDP:

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 15.984 tỷ đồng, đến nay đạt gần 9.667 tỷ đồng, bằng 60% dự toán, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán giao 5.911 tỷ đồng, đến nay chi đạt gần 3.205 tỷ đồng, bằng 54% dự toán. Cụ thể như sau: chi từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung đạt 52%, chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất đạt 49%, nguồn thu xổ số kiến thiết đạt 23%, nguồn trung ương bổ sung mục tiêu đạt 65%, nguồn vốn vay lại đạt 62%.

2.2. Chi thường xuyên: ước đạt 6.130 tỷ đồng, bằng 71% dự toán. Chi NSDP đã đảm bảo thực hiện các chính sách, chế độ, an sinh xã hội và phòng chống dịch bệnh. Việc sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp theo tiến độ thu NSDP.

Trong công tác điều hành chi ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị phải đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; tuân thủ kỷ luật chi tiêu tài chính NSNN. Sở Tài chính cũng đã tham mưu UBND tỉnh bổ sung từ nguồn dự phòng cho các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng phát sinh trong năm nhưng chưa được bố trí dự toán kinh phí ngay từ đầu năm.

2.3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia:

Dự toán giao đầu năm 678 tỷ đồng, đến nay giải ngân đạt 239 tỷ đồng, bằng 35% dự toán.

Thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các CTMTQG, HĐND tỉnh đã điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia nhằm sử dụng vốn có hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế của các địa phương. Trên cơ sở nguồn vốn thông báo điều chỉnh, đề nghị các chủ dự án, các địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo công tác giải ngân vốn của Chương trình.

SỞ TÀI CHÍNH

CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	12.214.122	9.144.656	75	179
I	Thu cân đối NSNN	11.789.666	8.720.200	74	176
1	Thu nội địa	11.158.000	7.829.300	70	169
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	620.000	877.400	142	270
4	Thu viện trợ	11.666	13.500	116	450
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	424.456	424.456	100	250
B	TỔNG CHI NSDP	15.984.600	9.667.343	60	164
I	Chi cân đối NSDP	13.604.027	8.312.662	61	182
1	Chi đầu tư phát triển	4.342.226	2.178.392	50	251
2	Chi thường xuyên	8.657.953	6.131.090	71	165
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	22.000	2.000	9	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100	
5	Dự phòng ngân sách	270.071	0	0	0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.380.573	1.354.681	57	102
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	414.700	305.488	74	
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	80.100	15.100	0	0

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.789.666	8.720.200	73,96	115,46
I	Thu nội địa	11.158.000	7.829.300	70,17	111,02
1	Thu từ khu vực DNNN	460.000	314.000	68,26	115,44
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.837.000	3.175.000	82,75	102,68
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.608.000	1.298.000	80,72	115,79
4	Thuế thu nhập cá nhân	500.000	500.000	100,00	128,53
5	Thuế bảo vệ môi trường	370.000	294.000	79,46	108,49
6	Lệ phí trước bạ	305.000	213.000	69,84	109,79
7	Thu phí, lệ phí	320.000	301.000	94,06	107,50
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.267.000	1.267.300	38,79	125,50
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	25.000	24.000	96,00	118,81
-	Thu tiền sử dụng đất	3.100.000	1.151.000	37,13	1.354,12
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	140.000	92.000	65,71	10,17
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	2.000	300	15,00	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	55.000	51.000	92,73	104,08

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	55.000	73.000	132,73	117,74
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	120.000	98.000	81,67	103,59
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	26.000	20.000	76,92	106,38
13	Thu khác ngân sách	235.000	225.000	95,74	113,07
II	Thu từ đầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	620.000	877.400	141,52	180,75
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	542.600	623.000	114,82	155,87
2	Thuế xuất khẩu	46.000	76.000	165,22	137,99
3	Thuế nhập khẩu	28.000	177.000	632,14	577,11
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0,00
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0,00
6	Thu khác	3.400	1.400		0
IV	Thu viện trợ	11.666	13.500	116	89
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	10.838.616	7.682.800	71	113
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	10.838.616	7.682.800	71	113

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	15.984.600	9.667.343	60	164
A	CHI CÁN ĐỐI NSĐP	13.604.027	8.312.662	61	182
I	Chi đầu tư phát triển	4.342.226	2.178.392	50	251
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.312.226	2.178.392	51	252
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	0		
II	Chi thường xuyên	8.657.953	6.131.090	71	165
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.864.976	2.790.000	72	182
2	Chi khoa học và công nghệ	45.784	34.338	75	280
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	643.085	405.000	63	140
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	133.550	89.235	67	128
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	34.888	20.258	58	253
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.795	26.892	68	154
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	273.596	145.623	53	145
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.072.271	625.491	58	135

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.610.306	1.256.852	78	168
10	Chi bảo đảm xã hội	592.830	498.526	84	170
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	22.000	2.000	9	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100	
V	Dự phòng ngân sách	270.071	0	0	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.380.573	1.354.681	57	102
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	678.726	239.000	35	176
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.569.400	1.027.383	65	88
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	132.447	88.298	67	269

Ghi chú : Tổng chi trên chưa bao gồm chi cải cách tiền lương và chi từ nguồn thu huy động, đóng góp